

Chỉ định : Ho do viêm nhiễm đường hô hấp, sau cảm lạnh nhàn.

Liều dùng : Sirô : người lớn, ngày 3 lần x 1 thia canh. Trẻ em trên 30 tháng : ngày 3-4 lần x 1/2 thia cafe tùy theo tuổi. Thuốc đạn : nạp 2 viên/ngày sáng tối.

Chống chỉ định : Sirô trẻ em và thuốc đạn trẻ em không dùng cho sơ sinh (dưới 30 tháng).

Troxerutin

Tác dụng : Viên nang 100-200-300 và 500mg. Ông tiêm 5ml = 500mg. Gel bôi 40g có 0,8g. Thuốc nhỏ mắt dung dịch 5% (lọ 10ml/500mg).

Tác dụng : Là một dẫn chất flavonoid bán tổng hợp có tác dụng làm giảm sức thâm và tinh dê nứt vỡ ống mao mạch và tinh mạch.

Chỉ định : Suy tĩnh mạch mạn, hội chứng viêm giãn tĩnh mạch và sau huyết khối, cảm phụ nữ có thai, phòng các phản ứng ngoài da và niêm mạc cũng như xuất huyết khi điều trị các loại tia, haj trĩ, và các rối loạn tuần hoàn tĩnh mạch ở chi dưới, phối hợp điều trị ống chung nề sau chấn thương và bọc máu. Khoa mắt : bệnh võng mạc do rái thảo đường, chảy máu và huyết khối dưới kết mạc.

Liều dùng : Khói dầu : ngày uống 600mg, chia 2-4 lần vào bữa ăn. Sau dùng liều duy trì : ngày 300mg. Tiêm bắp hay tĩnh mạch chậm, ngày hay cách một ngày 1 ống. Thuốc nhỏ mắt : ngày nhỏ 3 lần : 1-2 giọt.

Lưu ý : Thuốc không độc, nên không có chống chỉ định.

Trypsin

Enzym thủy phân protein, kết tinh lấy từ pancreas (tụy) của bò.

Tên khác : Tripsina; Trypsin cristalized; Trypsinum

Dạng thuốc : Lọ phun mù- Lọ rắc bột- Lọ bơm xịt-

Tác dụng : Thủy phân các dịch rỉ và các chất hoại tử - các mô thương tổn hoại tử được loại bỏ.

Chỉ định : Phụ trị vào việc làm sạch vết thương, mảng da chết, mảng loét hoại tử do các nguyên nhân khác nhau, các dạng hoại tử loét ăn sâu.

Liều dùng : Bơm phun hoặc rắc bột, bôi

thuốc, che băng và khuẩn ướt. Để tiếp xúc 3 giờ rồi rửa bằng nước sinh lý này nước dun sôi để nguội, loại các chất bẩn do sự phân hủy các mô hoại tử. Bơm, rắc bột, đắp lại 2-3 lần/ngày.

Chống chỉ định : Dị ứng với Trypsin.

Lưu ý : Không dùng Trypsin thay thế cho phương pháp chữa các vết thương thường dùng (lạm dụng quá mức có thể không thích hợp) và tránh những phản ứng phản vệ do tính chất kháng nguyên của enzym. Có cảm giác đau khi dùng thuốc. Dung dịch thuốc giữ được 48 giờ ở nhiệt độ phòng và 15 ngày ở nhiệt độ +5°C. (loại bột pha để bơm.)

Tuberol

Dạng thuốc : Lọ 100ml dùng ngoài có:

Thymol	4,5g
Tinh dầu Tràm	0,25g
Tinh dầu Kinh giới ma	0,75g
Tinh dầu Niaouli.	40g
Eucalyptol	10mg
Tinh dầu nhựa thông	26,75g

Chỉ định : Viêm phế quản mù, ho gà, bệnh phổi trầm trọng.

Liều dùng : Thuốc ngâm vào gạc, đắp lên ngực - Xoa nhẹ hoặc hít trực tiếp thuốc hoặc xông.

Lưu ý : Có loại Tuberol mỡ (tương tự thuốc trên). Tuberol sirô cho người lớn và trẻ em thành phần khác hẳn công thức trên. Vì có codein, belladon nên có chống chỉ định : hen suyễn, suy hô hấp, glöcôm góc đóng, rối loạn niệu đạo- tuyến tiền liệt - Trẻ dưới 10 tháng theo chỉ định của thầy thuốc

Tussipax (Pháp)

Dạng thuốc : Viên/lọ 24ml (1ml=50 giọt) thuốc uống/lọ 200ml sirô có :

Codethylin	0,01/0,12/0,12g
Codein	0,01/0,12/0,12g
Bromoform	0,05/1,2/1,2g
Còn Aconit và vài chất khác	2 giọt/2,4g/1,2g

Tác dụng : Trị ho trung tâm.

Liều dùng : Chỉ dùng vài ngày. Người lớn : 55mg codein + codethylin/ngày. Trẻ em 30 tháng- 5 tuổi : 0,4mg codein + codethylin/kg/24 giờ. Trẻ em 6-8 tuổi : 0,8mg/kg/24 giờ. Người lớn và trẻ em trên 15